

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU PHONG
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/HNGĐ - ST

Ngày 29-9-2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con” giữa Lê Thị Mỹ L và Trịnh
Minh N.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU PHONG, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hồng Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Điệp.
2. Ông Hoàng Đức Bảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong tham gia phiên tòa:
Bà Thái Thị Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị; xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 64/2019/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Mỹ L, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Thôn An Tây, xã Tam Quang, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam - Có đơn xin xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Trịnh Minh N, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Thôn Phú Mỹ Kiên, xã Triệu Giang, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị - Vắng mặt lần thứ 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 22/6/2020, nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ L trình bày:

Chị Lê Thị Mỹ L và anh Trịnh Minh N yêu nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam Quang, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam vào ngày 22/7/2011. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống với gia đình bố mẹ chồng tại thôn Phú Mỹ Kiên, xã Triệu Giang, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Kể từ khi kết hôn thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh N thường xuyên uống rượu, đánh đập vợ con. Bên cạnh đó, anh N thường xuyên ghen tuông vô cớ và không phụ giúp vợ về mặt kinh tế nên hai mẹ con chị L phải sống dựa vào mẹ chồng. Do không thể sống chung với anh N nên đầu năm 2015 chị L bỏ con về sống với bố mẹ đẻ tại thôn An Tây, xã Tam Quang, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam và hiện vợ chồng sống ly thân, chỉ thỉnh thoảng anh N đến thăm con còn vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Nay chị L thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể đoàn tụ

với nhau nên chị Lê Thị Mỹ L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trịnh Minh N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Trịnh Bình M, sinh ngày 10/11/2011, hiện cháu sinh sống với chị L. Nếu ly hôn, nguyện vọng của chị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M và yêu cầu anh Trịnh Minh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi cháu M đến tuổi thành niên và có khả năng lao động.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn anh Trịnh Minh N:* Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa cho anh Trịnh Minh N nhưng anh N vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị: Xử cho chị Lê Thị Mỹ L được ly hôn với anh Trịnh Minh N; về con chung: Giao cháu Trịnh Bình M, sinh ngày 10/11/2011 cho chị Lê Thị Mỹ L chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Trịnh Minh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng từ 1.000.000 đồng đến 1.200.000 đồng cho đến khi cháu Minh đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Chị L, anh N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 24/6/2020, Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong thụ lý vụ án “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” giữa chị Lê Thị Mỹ L với anh Trịnh Minh N. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho anh N nhưng quá thời hạn 15 ngày kể từ ngày anh N nhận thông báo thụ lý vụ án nhưng anh N không có bản trình bày ý kiến. Tòa án đã thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 22/7/2020 và 28/8/2020 và tổng đạt hợp lệ cho anh N nhưng anh N không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Ngày 10/9/2020, Tòa án ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử và mở phiên tòa vào ngày 24/9/2020. Tại phiên tòa ngày 24/9/2020, chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh N vắng mặt lần thứ nhất không có lý do nên Hội đồng xét xử ra quyết định hoãn phiên tòa và ấn định xét xử lại vào ngày 29/9/2020. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Trịnh Minh N đã được Tòa án triệu tập

hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Mỹ L với anh Trịnh Minh N là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam Quang, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam vào ngày 22/7/2011. Tuy nhiên, theo chị L, trong quá trình chung sống, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân do anh Nhật thường xuyên uống rượu, gây gỗ, đánh đập vợ con, ghen tuông vô cớ nên từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng sống ly thân với nhau từ năm 2015 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại nơi hai vợ chồng cư trú thôn Phú Mỹ Kiên, xã Triệu Giang, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị thì được biết: Quá trình sinh sống tại địa phương trước khi chị L bỏ chồng về sống tại nhà bố mẹ đẻ của chị L năm 2015 thì vợ chồng chị L, anh N thường xuyên to tiếng, thậm chí anh N đánh đập chị L nhiều lần, nguyên nhân là do anh N hay uống rượu và kiêu căng gây gỗ, đánh đập chị L; đến năm 2015 chị L đã bỏ chồng con vào sống với bố mẹ đẻ chị L ở tỉnh Quảng Nam và hai vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Chính vì vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng chị L, anh N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng sống ly thân đã lâu do đó cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Lê Thị Mỹ L, xử cho chị Lê Thị Mỹ L được ly hôn với anh Trịnh Minh N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị L, anh N có 01 con chung là cháu Trịnh Bình M, sinh ngày 10/11/2011, hiện cháu đang sinh sống với chị L. Nếu ly hôn, nguyện vọng của chị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M và yêu cầu anh Trịnh Minh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc giao cháu M cho ai nuôi dưỡng là xem xét đến điều kiện của bố, mẹ và khả năng phát triển cũng như quyền lợi về mọi mặt của con chung; thấy rằng hiện tại cháu M đang ở với chị L, cháu M đang học tại trường tiểu học Nguyễn Trường Tộ, xã Tam Quang, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam nên chị L yêu cầu được nuôi cháu B là hợp lý và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu M là mong muốn ở với mẹ để thuận lợi cho việc học tập; do đó cần giao cháu Trịnh Bình M cho chị Lê Thị Mỹ L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và buộc anh Trịnh Minh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.200.000 đồng là phù hợp quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lê Thị Mỹ L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; anh Trịnh Minh N phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 116; Điều 117; Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. *Về tình cảm:* Xử cho chị Lê Thị Mỹ L được ly hôn với anh Trịnh Minh N.

2. *Về con chung:* Xử giao cháu Trịnh Bình M, sinh ngày 10/11/2011 cho chị Lê Thị Mỹ L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trịnh Minh N phải cấp dưỡng nuôi cháu Trịnh Bình M mỗi tháng 1.200.000 đồng cho đến khi cháu M đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung; không ai được cản trở trong việc thăm nom con chung. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành nếu bên phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền cấp dưỡng nói trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. *Về án phí:*

Chị Lê Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004620 ngày 22/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị (chị L đã nộp đủ án phí).

Anh Trịnh Minh N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Triệu Phong;
- Chi cục THADS huyện Triệu Phong;
- UBND xã Tam Quang, Núi Thành, Quảng Nam;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT.

Phan Hồng Phước

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Triệu Phong;
- Chi cục THADS huyện Triệu Phong;
- UBND xã Triệu Phước, huyện T.Phong;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Hồng Phước

